

Bài 1. Điền chữ cái còn thiếu

1. j _ m

4. j _ lly

2. y _ ms

5. j _ ice

3. y _ gurt

6. y _ - y _ s

Bài 2. Chọn từ đúng

1.



yo-yos

yams

2.



juice

jelly

3.



jam

jelly

4.



yogurt

juice

5.



yams

yo-yos

6.



jam

yogurt

Bài 3. Viết từ tiếng Anh

1. mít → _____

4. thạch → _____

2. nước ép → _____

5. những củ khoai mỡ → _____

3. sữa chua → _____

6. những chiếc yo-yo → _____

Name: _____

Class: _____

Bài 1. Điền từ thích hợp.

jam • yams • yogurt • jelly • juice • yo-yos

1. I can see two _____.

2. I can see some _____.

3. I can see some _____.

4. I can see a jar of _____.

5. I can see some _____. (củ khoai mỡ)

6. I can see some _____. (sữa chua)



Bài 2. Chọn đáp án đúng.

1. Can you see **a / some** yogurt?

2. Can you see **a / some** yams?

3. Can you see **a / some** yo-yo?

4. Can you see **a / some** juice?

5. Can you see **a / some** jelly?

6. Can you see **a / some** jam?

Bài 3. Sắp xếp thành câu.

1. see / you / Can / a yo-yo / ? _____

2. some yogurt / see / Can / you / ? _____

3. can / Yes, / I / . _____

4. can't / No, / I / . _____

Bài 4. Dịch sang tiếng Anh.

1. Bạn có thể nhìn thấy một chiếc yo-yo không?

2. Bạn có thể nhìn thấy sữa chua không?

3. Bạn có thể nhìn thấy những củ khoai mỡ không?

4. Có, tôi có thể.

5. Không, tôi không thể.